

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10 – 4 – 2018

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2018 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cao Thanh D, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Trúc L, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 21/02/2018 và tại phiên tòa, anh Cao Thanh D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Trúc L chung sống với nhau vào năm 2007, vì hoàn cảnh gia đình nên anh chị không đi đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến ngày 20/8/2017 chị L ngoại tình với người đàn ông khác anh bắt gặp và nhờ chính quyền địa phương lập biên bản, nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh xác định anh và chị L có 02 người con chung tên Cao Anh K, sinh ngày 19/10/2007; Cao Khánh H, sinh ngày 04/10/2013, hiện hai cháu

K và H đang được anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D xác định vợ, chồng anh có 01 chiếc xe mô tô biển số 69K6: 2802 đứng tên Cao Thanh D, xe hiện chị L đang quản lý, sử dụng. Khi ly hôn, anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D khai vợ, chồng anh không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng.

Đối với chị Đỗ Thị Trúc L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án do chị L trực tiếp nhận và thông qua mẹ ruột nhận thay và cam kết giao lại nhưng chị L vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Trúc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 08/3/2018, ngày 16/3/2018, ngày 28/3/2018, ngày 10/4/2018 nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Cao Thanh D và chị Đỗ Thị Trúc L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh D xác định anh và chị L có 02 người con chung tên Cao Anh K, sinh ngày 19/10/2007 và Cao Khánh H, sinh ngày 04/10/2013, hiện hai cháu K và H đang được anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai cháu K, H hiện do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của cháu K muốn được chung sống với cha nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu K, H cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Anh D không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh D xác định vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Anh D khai vợ, chồng anh không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng anh nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Cao Thanh D và chị Đỗ Thị Trúc L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Cao Anh K, sinh ngày 19/10/2007 và Cao Khánh H, sinh ngày 04/10/2013 cho anh Cao Thanh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh D xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Anh D khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Cao Thanh D phải chịu 300.000đ. Ngày 21 tháng 02 năm 2018, anh D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000361 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Cao Thanh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thị Trúc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

(Đã ký)

Lê Thị Thu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp.Cà Mau, ngày 24 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án Hôn nhân gia đình giữa :

- 1. Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Út, sinh năm: 1974, (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Số 38B, Lý Thái Tôn, khóm 7, phường 2, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- 2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức Trí, sinh năm: 1973, (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 68A, Lộ Mới, khóm 1, phường 8, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hứa Minh Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Trọng Tâm**
2. Ông **Nguyễn Hoàng Kha**

Sau khi nghị án biểu quyết như sau:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Út về việc xin ly hôn anh Nguyễn Đức Trí.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhã Trân, sinh ngày 16/02/2002 cho chị Võ Thị Út tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Trí được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Út xác định không có nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Chị Út khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Võ Thị Út phải chịu 300.000đ. Ngày 28 tháng 11 năm 2017, chị Út đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 45 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Chị Võ Thị Út có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức Trí có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thông nhất biểu quyết 3/3 các vấn đề nêu trên.

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Hà Trọng Tâm

Hứa Minh Hải

Nguyễn Hoàng Kha

